

Số: 1579/2011/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1268/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Đoàn thể tỉnh và lực lượng vũ trang nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Nguyễn Hoàng Anh

QUY CHẾ
Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1579/2011/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; hành vi vi phạm, xử lý hành vi vi phạm; khiếu nại tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân nước Việt Nam; các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua: tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua: Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng: Bảo đảm chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; bảo đảm tính thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

2. Căn cứ khen thưởng: Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn; khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính.

Điều 5. Các hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên: Là hình thức khen thưởng được tiến hành thường xuyên hàng năm cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm.

2. Khen thưởng đột xuất: Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lập được thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc, có tác dụng nêu gương trong phạm vi đơn vị, hệ thống hay toàn ngành không nằm trong chỉ tiêu thi đua hoặc không tham gia ký kết, giao ước thi đua thì được khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng ngay sau khi lập được thành tích.

3. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề): Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích sau khi kết thúc thực hiện một đợt thi đua, chương trình hoặc một chuyên đề công tác do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến: Là hình thức khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc và của tỉnh;

5. Khen thưởng đối ngoại: Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có công đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng.

Thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được tổ chức theo khối thi đua để ký kết giao ước thi đua; thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động phong trào thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua (chỉ bình xét danh hiệu thi đua đối với những trường hợp có đăng ký thi đua).

2. Thi đua theo đợt (hoặc thi đua theo chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mà nội dung có tính chất chuyên môn, ngành nghề để thực hiện những công việc

khó khăn, những việc còn yếu kém. Thi đua theo đợt (hoặc thi đua theo chuyên đề) được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian.

Thi đua theo đợt (theo chuyên đề) có thể tổ chức với quy mô rộng lớn (trong phạm vi một địa phương, một ngành hoặc cả nước). Khi tiến hành sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua (Giấy khen, Bằng khen).

Trường hợp sơ kết, tổng kết đợt thi đua hoặc chuyên đề thi đua (có thời gian từ 05 năm trở lên), đơn vị chủ trì phát động thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen. Trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc thì đề nghị Chủ tịch nước xét tặng Huân chương Lao động hạng ba và chú trọng khen thưởng cho đối tượng trực tiếp lao động sản xuất, công tác.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tốt phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý; Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp các cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua; theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định, xây dựng điển hình, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng để các điển hình tiên tiến tiếp tục phát huy thành tích đã đạt được, phát triển thêm những nhân tố mới nhằm, nâng cao hiệu quả hoạt động phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng và phát triển địa phương, đơn vị.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị các cấp trong tỉnh, các tổ chức thành viên Mặt trận: Trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng, kiến nghị bổ sung, sửa đổi những bất hợp lý liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

Phối hợp với các cơ quan nhà nước phát động thi đua và tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua của tỉnh và của tổ chức mình.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh và của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung tổ chức phong trào thi đua phải đảm bảo khoa học, thực tiễn và khả thi; xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung thi đua nhằm đạt được các chỉ tiêu trong từng phong trào thi đua.

Căn cứ đặc điểm, tính chất công việc, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để phát động phong trào với hình thức phù hợp; quan tâm công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong phong trào thi đua; đa dạng hóa các hình thức thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua. Đối với những đợt thi đua dài ngày, tổ chức sơ kết giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua có tổng kết đánh giá kết quả; tiến hành bình xét công khai, dân chủ và đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kịp thời cho những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để cổ vũ, động viên phong trào.

2. Thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của khối thi đua. Chấp hành tốt chế độ sơ kết, tổng kết, báo cáo, bình xét và đề nghị khen thưởng.

Điều 9. Hoạt động của các khối giao ước thi đua

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các khối giao ước thi đua vào đầu năm. Các khối thi đua xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của khối thi đua; bầu Trưởng khối và Phó Trưởng khối để điều hành hoạt động của khối.

2. Các khối thi đua có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác, nội dung phong trào thi đua, tiêu chí đánh giá, chấm điểm giữa các đơn vị thành viên trong khối để phấn đấu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

3. Mỗi năm, các khối thi đua tiến hành kiểm tra để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ qua việc tổ chức phong trào thi đua của các đơn vị trong khối; tổ chức chấm điểm, bình xét, suy tôn một đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của khối đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ Thi đua; đề nghị Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong năm.

Mục 2. DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 10. Danh hiệu thi đua là hình thức để ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua. Danh hiệu thi đua được xét công nhận hàng năm.

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”,
- b) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”,
- c) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”,
- d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”,
- b) Danh hiệu “Cờ thi đua cấp tỉnh”,
- c) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”,
- d) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 11. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Đối tượng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm công tác đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở kinh tế.

b) Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản thì thời gian nghỉ điều trị vẫn được tính để xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên (điểm trung bình từ 7,0 trở lên), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” .

d) Cá nhân đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (điểm trung bình từ 7,0 trở lên) thì năm đó đủ điều kiện để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

e) Đối với cá nhân chuyển chuyên công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

g) Các trường hợp không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”: Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên; bị xử phạt hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

2. Tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao (bao gồm hoàn thành số lượng và chất lượng các công việc được giao đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao);

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;

e) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

g) Nếu là Đảng viên phải được phân loại Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị cơ sở (công ty, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, xí nghiệp, hợp tác xã, ban quản lý...)

4. Thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

Điều 12. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

1. Đối tượng: Là cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

2. Tiêu chuẩn:

a) Là cá nhân tiêu biểu được lựa chọn trong số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

b) Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác của cơ quan, đơn vị được Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở công nhận.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Số lượng khen thưởng: Tối đa bằng 30% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang hưởng lương tại cơ quan, đơn vị.

4. Thẩm quyền xét đề nghị khen thưởng:

a) Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở xét, công nhận sáng kiến, giải pháp hữu ích, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở. Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng xét duyệt sáng kiến gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị cơ sở (công ty, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, xí nghiệp, hợp tác xã, ban quản lý...) bình xét, đề nghị danh hiệu thi đua “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

5. Thẩm quyền khen thưởng: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

1. Đối tượng: Là cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” tính đến thời điểm đề nghị.

2. Tiêu chuẩn:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới hoặc giải pháp, sáng kiến, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác của cơ quan, đơn vị.

c) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi toàn tỉnh và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

d) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Thẩm quyền xét đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

4. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

1. Tiêu chuẩn:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có phạm vi ảnh hưởng rộng đối với toàn quốc.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

2. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

1. Đối tượng

Là tập thể cơ quan sở, ban, ngành cấp tỉnh; tập thể trong cơ cấu tổ chức bộ máy thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh; các đơn vị trường học, bệnh viện và các khoa, phòng, ban chuyên môn trực thuộc; xí nghiệp, phân xưởng, đội sản xuất trực thuộc doanh nghiệp; các phòng, ban, hội đoàn thể và cấp tương đương thuộc huyện; tập thể cán bộ công chức xã, phường, thị trấn.

a) Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: Là các phòng, ban và đơn vị trực thuộc.

b) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Là các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh và các đơn vị trực thuộc (xí nghiệp, phòng, phân xưởng);

c) Đối với cấp huyện: Là các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (phường, thị trấn);

d) Đối với đơn vị sự nghiệp: Là trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng;

2. Tiêu chuẩn: Tập thể Lao động tiên tiến là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

e) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

4. Thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

Điều 16. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho tập thể mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

1. Đối tượng: là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

2. Tiêu chuẩn:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

g) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Số lượng khen thưởng: Tối đa bằng 30% so với tổng số tập thể trực thuộc trong cơ quan, đơn vị.

4. Thẩm quyền xét, đề nghị: Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

5. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"

1. Đối tượng:

a) Đơn vị thành viên thuộc các khối giao ước thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

b) Đơn vị cơ sở: Xã, phường, thị trấn; các đơn vị trực thuộc ngành (trường học, trung tâm, bệnh viện); các phòng, ban thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (hoạt động độc lập, có tư cách pháp nhân).

2. Tiêu chuẩn: Là tập thể tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua trong mỗi khối thi đua hoặc mỗi ngành, địa phương và đạt 03 tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; đạt được tổng số điểm thi đua từ 950 điểm trở lên (thang điểm 1.000);

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong khối và trong phạm vi toàn tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

d) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh, suy tôn trong khối thi đua. Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Cờ thi đua căn cứ vào tiêu chuẩn, kết quả chấm điểm thi đua, biên bản bình xét, lựa chọn và suy tôn của các khối thi đua.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

4. Thẩm quyền khen thưởng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quy định số lượng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các đơn vị cơ sở trực thuộc ngành hoặc địa phương (huyện, thị)

- a) Ngành hoặc địa phương có từ 6 đến 9 đơn vị trực thuộc: 01 cờ;
- b) Ngành hoặc địa phương có từ 10 đến 20 đơn vị: 02 cờ;
- c) Ngành hoặc địa phương có từ 21 đến 30 đơn vị: 03 cờ;
- d) Ngành hoặc địa phương có từ 31 đơn vị trở lên: 04 cờ;

* Trường hợp ngành có 32 đơn vị trở lên thì cứ 10 đơn vị tiếp theo tặng 01 cờ.

Điều 180. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. "Cờ thi đua của Chính phủ" để tặng cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong từng lĩnh vực, ngành nghề dẫn đầu toàn diện các phong trào thi đua, được xét chọn trong số những tập thể đã được xét tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" và đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Số lượng đề nghị tặng "Cờ thi đua Chính phủ" tối đa bằng 20% tổng số những tập thể được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Lao động (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Huân chương Dũng cảm; Huân chương Hữu nghị.

2. Huy chương: Huy chương Hữu nghị.

3. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: Danh hiệu tỉnh Anh hùng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lao động; Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân nhân dân; Nghệ nhân ưu tú.

4. Giải thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước.

5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

6. Bằng khen.

7. Giấy khen.

Điều 20. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (Huân chương; Huy chương; Danh hiệu vinh dự Nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước; Kỷ niệm chương, Huy hiệu): Thực hiện theo Luật Thi đua - Khen thưởng, Nghị định và các Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan.

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn sau:

1. Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt, đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

2. Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp trong việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, xây dựng và phát triển tỉnh (khen đối ngoại).

3. Tập thể thuộc khối thi đua thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn thuộc khối thi đua của huyện, thị xã đạt được tổng số điểm thi đua từ 850 - 940 điểm trở lên (thang điểm 1.000)

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết... của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các đợt thi đua theo chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất của tỉnh (khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất).

5. Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

5.1. Đối với cá nhân:

a) Đạt 02 lần liên tục danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đi đầu trong các phong trào thi đua. Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội;

d) Nếu là Đảng viên phải được đánh giá là đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5.2. Đối với tập thể:

a) Đạt 02 lần liên tục "Tập thể lao động xuất sắc";

b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm; nội bộ đoàn kết, tích cực tham gia các hoạt động xã hội;

c) Tích cực tham gia phong trào thi đua của tỉnh và tổ chức tốt các phong trào thi đua trong nội bộ ngành, địa phương, đơn vị;

d) Đối với cấp xã: Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội tốt, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, không để xảy ra khiếu kiện tập thể, không có hộ đói.

e) Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh: Phải hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường, sinh thái.

6. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành liên quan thống nhất việc quy định cụ thể về tiêu chuẩn xét khen thưởng đối với cá nhân, tập thể trong phong trào thi đua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 22. Giấy khen của thủ trưởng các đơn vị

Thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ - CP.

1. Đối với cá nhân

a) Đối tượng: là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở sản xuất.

b) Tiêu chuẩn:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;
- Có phẩm chất, đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Đối với tập thể

a) Đối tượng:

- Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: Là các phòng, ban và đơn vị trực thuộc.

- Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Là các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh và các đơn vị trực thuộc (xí nghiệp, phòng, phân xưởng);

- Đối với cấp huyện: Là các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (phường, thị trấn);

- Đối với đơn vị sự nghiệp: Là trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng;

b) Tiêu chuẩn

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

2. Thẩm quyền đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

Điều 23. Quy trình xét khen thưởng

1. Bình chọn công khai, dân chủ; tiến hành từ cơ sở; phát huy vai trò của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp;

2. Các bước tiến hành: Báo cáo thành tích trước, bình chọn sau; bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao hơn tiến hành sau.

3. Cá nhân, tập thể trong năm công tác, tùy theo tính chất và mức độ thành tích đạt được có thể xem xét, công nhận hoặc đề nghị cấp trên một hoặc nhiều danh hiệu thi đua. Danh hiệu thi đua thấp là cơ sở để bình xét và đề nghị công nhận danh hiệu thi đua cao hơn.

4. Cá nhân, tập thể trong năm công tác, tùy theo tính chất và mức độ thành tích đạt được mà có thể xem xét đề nghị một hình thức khen thưởng hoặc một mức khen nhất định. Hình thức, mức khen thấp là cơ sở để xét và đề nghị hình thức, mức khen cao hơn.

5. Trong một năm không trình hai hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một đối tượng (trừ khen thưởng đột xuất).

Chương IV

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 24. Tuyến trình khen

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp sở, ban, ngành của tỉnh đề nghị khen thưởng thành tích hàng năm đối với các phòng ban đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp huyện phải có văn bản hiệp y, thống nhất của các sở, ngành có liên quan và không đề nghị khen thưởng trùng lặp.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định thành tích, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các trường hợp sau:

a) Khen thưởng cho các trường hợp cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý;

b) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"; "Huân chương Lao động" (các hạng); Bằng khen Thủ tướng Chính phủ.

4. Đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thuộc địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Cấp nào quyết định cổ phần hoá, quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức đó thì cấp đó trình khen thưởng.

6. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Hiệp y khen thưởng

1. Hiệp y khen thưởng là hình thức thu thập thêm thông tin của các cơ quan liên quan để có thêm căn cứ trước khi trình quyết định khen thưởng.

2. Hình thức khen thưởng phải lấy ý kiến hiệp y bao gồm: "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các hạng, danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân";

3. Trường hợp đề nghị khen cấp Nhà nước đối với cá nhân là lãnh đạo các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương và là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi hiệp y phải được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì xin ý kiến hiệp y cho các đối tượng thuộc thẩm quyền trình khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các cơ quan liên quan khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y phải cho ý kiến đúng về nội dung, thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nội dung đã cho ý kiến. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ xin ý kiến hiệp y những nội dung nào thì nêu rõ ý kiến về những nội dung đó. Nếu quá thời hạn xin hiệp y theo quy định (sau 10 ngày làm việc), cơ quan được xin ý kiến không có văn bản phúc đáp, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ sẽ làm thủ tục trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 26. Hồ sơ, thủ tục trình khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Đối với các tập thể không thuộc khối thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm các văn bản sau: (01 bộ chính)

a) Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng;

b) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng.

2. Đối với những tập thể thuộc khối thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm các văn bản sau: (01 bộ chính)

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của trưởng khối thi đua;
- b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu suy tôn của khối thi đua ;
- c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng;
- d) Bảng chấm điểm thi đua của đơn vị có xác nhận của trưởng khối.

3. Đối với cá nhân đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, bao gồm các văn bản sau: (01 bộ chính)

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị đề nghị khen thưởng;
- b) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản họp xét và bản đánh giá, nhận xét của Hội đồng Khoa học, Sáng kiến cấp trình khen thưởng;
- d) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng;
- e) Báo cáo giải pháp sáng kiến đã được áp dụng trong thực tế và có ý kiến, xác nhận của Chủ tịch Hội đồng Khoa học, sáng kiến đơn vị trình khen thưởng.

Điều 27. Hồ sơ, thủ tục trình khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng Huân chương

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng (01 bản);
- b) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen (01 bản);
- c) Báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng (có ý kiến xác nhận của thủ trưởng đơn vị): 02 bản
- d) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng (có ý kiến xác nhận của thủ trưởng đơn vị) và văn bản xác nhận thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách, chế độ bảo hiểm (nếu có): 03 bản;

2. Hồ sơ, thủ tục xét tặng "Cờ Thi đua của Chính phủ"; “Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ”

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng (01 bản);
- b) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen (01 bản);
- c) Báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng (có ý kiến xác nhận của thủ trưởng đơn vị): 02 bản
- d) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng (có ý kiến xác nhận của thủ trưởng đơn vị) và văn bản xác nhận thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách, chế độ bảo hiểm (nếu có): 02 bản;

3. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng (01 bản)
- b) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen (01 bản);
- c) Biên bản họp xét của Hội đồng Khoa học, Sáng kiến cấp trình khen (01 bản)
- d) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị khen thưởng (có ý kiến xác nhận của thủ trưởng đơn vị): 02 bản
- e) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân đề nghị khen thưởng (có ý kiến xác nhận của thủ trưởng đơn vị) và văn bản xác nhận thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách, chế độ bảo hiểm (nếu có): 02 bản;
- g) Báo cáo tóm tắt về nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý (03 bản);

4. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan tài chính về những nội dung sau:

- a) Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;
- b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;
- c) Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

5. Hồ sơ, thủ tục đơn giản:

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

- a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;
- b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;
- c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, gồm có:

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị (01 bản);
- b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp (ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản): 01 bản.

(Trường hợp thành tích thực sự tiêu biểu, xuất sắc có thể đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể).

Điều 28. Thời hạn trình khen thưởng:

1. Khen thưởng tổng kết năm thực hiện như sau:

- a) Đối với cấp cơ sở: Kết thúc trước ngày 15 tháng 01 năm sau;
 - b) Đối với cấp huyện, sở, ban, ngành cấp tỉnh kết thúc trước ngày 30 tháng 01 năm sau;
 - c) Đối với cấp tỉnh chậm nhất đến ngày 28 tháng 02 năm sau.
2. Hồ sơ trình tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh: Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm;
 3. Hồ sơ trình tặng Cờ thi đua của Chính phủ: Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.
 4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước: Trước ngày 10 tháng 03 hàng năm.
 5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của ngành Giáo dục và Đào tạo: Hoàn thành sau khi kết thúc năm học; trình khen cấp tỉnh và Cờ thi đua của Chính phủ trước ngày 30 tháng 7; trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước trước ngày 01 tháng 9.

Điều 29. Nguyên tắc và trình tự tiến hành lễ công bố và trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc:

a) Việc công bố và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để tôn vinh gương người tốt, việc tốt và những điển hình tiên tiến, do đó phải tổ chức trang trọng, song bảo đảm hiệu quả, thiết thực, tránh những biểu hiện phô trương hình thức, lãng phí. Khi tổ chức, cần kết hợp với các nội dung khác của đơn vị để tiết kiệm thời gian và chi phí.

b) Nghi thức trao tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình tự tiến hành trao tặng:

a) Hàng năm, sau khi nhận được quyết định khen thưởng cấp Nhà nước (Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ), Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) lập kế hoạch tổ chức đón nhận, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phối hợp với đơn vị để tổ chức công bố và trao tặng.

b) Đối với “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: sau khi nhận được quyết

định, Thủ trưởng đơn vị tổ chức công bố, trao tặng cho cá nhân, tập thể được khen thưởng một lần/năm.

Chương V **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 30. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác và nguồn đóng góp của cá nhân tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp Nhà nước quy định tại Khoản 4 Điều này) được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 31. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của huyện, Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền cho Phòng Nội vụ quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý; quỹ thi đua

khen thưởng của cấp xã do Ủy ban nhân dân xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng.

Điều 32. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để:

a) Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng.

b) Các khoản chi gồm: In giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm hồ sơ khen thưởng; viết bằng, làm khung bằng, thêu cờ, trống, làm hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng...

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, tổ chức ký kết giao ước thi đua, tập huấn nghiệp vụ khen thưởng, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến.

d) Chi hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

e) Việc chi hỗ trợ công tác tổ chức phong trào thi đua do cơ quan quản lý công tác thi đua, khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Thủ trưởng đơn vị quyết định.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo khung bằng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 75 và 76 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một đối tượng khen thưởng nếu đạt được các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau, thì được nhận tiền thưởng (hoặc tặng phẩm kèm theo) đối với mỗi danh hiệu và hình thức khen thưởng có mức thưởng cao nhất;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó có thời gian để đạt được thành tích khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài, được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 33. Mức tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua giải nhất được thưởng với mức tiền kèm theo là 15,5 lần mức lương tối thiểu chung;

2. Cờ thi đua giải nhì được thưởng với mức tiền kèm theo là 80% so với số tiền thưởng của Cờ thi đua giải nhất ;

3. Cờ thi đua giải ba được thưởng với mức tiền kèm theo là 60% so với số tiền thưởng của Cờ thi đua giải nhất;

4. Cờ thi đua cho các đơn vị cơ sở dẫn đầu ngành, địa phương được thưởng với mức tiền kèm theo là 60% so với số tiền thưởng của Cờ thi đua giải nhất.

Chương VI

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục pháp luật quy định.

Điều 35. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 36. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng

Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể được khen thưởng:

- a) Vi phạm các Khoản 3 và 4 Điều 14 của Luật Thi đua, Khen thưởng;
- b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc cá nhân, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
- b) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- c) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm Khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.

Điều 37. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với người và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

1. Hành vi vi phạm của người hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:

- a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;
- b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;
- c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;
- đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này: Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;

b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

a) Hành vi vi phạm Điều 14 Luật Thi đua, Khen thưởng;

b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;

Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 39. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 40. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu: “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” mà vi phạm pháp luật, bị tòa án xét xử bằng hình thức tù phạt tù nhưng cho hưởng án treo trở lên và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì bị tước danh hiệu.

2. Căn cứ quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã trình khen thưởng cho các trường hợp vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều này, sau 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có trách nhiệm làm các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra quyết định tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

Hồ sơ đề nghị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước, gồm có:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo tóm tắt nội dung vi phạm pháp luật và bản án hoặc quyết định của Tòa án.

3. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước.

Hồ sơ đề nghị phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự Nhà nước, gồm có:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo tóm tắt nội dung thuyết minh, giải trình và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 41. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.